

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2023/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Liên.

2. Bà Lại Thị Thoa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Công Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cát Càng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST- DS, ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2023/TB-TA ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Khổng Thị D, sinh 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Bị đơn:*** Bà Đinh Thị N (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Anh Trần Văn S (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Khổng Thị D trình bày: Do có quan hệ quen biết hàng xóm láng giềng. Bà có cho bà Đinh Thị N và con trai bà N là anh Trần Văn S vay tiền nhiều lần. Mỗi lần vay đến cuối năm hai bên tính nợ và chốt sổ một lần.

Do bà N và anh S không trả được nợ như thỏa thuận. Nên ngày 16/12/2021 (Al) tức ngày 18/01/2022 (Dl) bà và bà N thống nhất lập lại giấy vay tiền. Theo nội dung giấy vay tiền ngày 16/12/2021 các bên thống nhất về số lượng nợ mà bà N và anh S còn nợ là 519.017.000đ (Năm trăm mười chín triệu không trăm mười bảy nghìn

đồng), đồng thời thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/12/2022 (Al). Lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, trường hợp không trả nợ đúng hạn thì lãi suất được tính là 2%/tháng. Việc vay mượn tiền là do bà N và anh S cùng thống nhất vay, tuy nhiên chỉ có bà N có mặt và ký xác nhận vào giấy vay tiền.

Đến nay đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà N và anh S vẫn không trả nợ. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà N và anh S cố tình trốn tránh, thách thức và không trả nợ. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N và anh S phải trả cho bà số tiền vay chưa trả là 519.017.000đ (Năm trăm mười chín triệu không trăm mười bảy nghìn đồng) và phải trả tiền lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đinh Thị N trình bày: Do có quan hệ quen biết hàng xóm láng giềng. Vì kinh tế gia đình khó khăn, thường xuyên ốm đau. Nên ngày 16/12/2021 (Al) tức ngày 18/01/2022 (Dl), bà có vay của bà Khổng Thị D số tiền 519.017.000đ (Năm trăm mười chín triệu không trăm mười bảy nghìn đồng), thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 16/12/2022 (Al). Lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, trường hợp không trả nợ đúng hạn thì lãi suất được tính là 2%/tháng.

Việc vay mượn tiền là bà và bà D trực tiếp thực hiện, bà đã ký xác nhận vào giấy vay tiền cho bà D. Bà xác định chữ ký “N” và họ tên “Đinh Thị N” trong giấy vay tiền là chữ ký và chữ viết của bà.

Bà vay tiền của bà D để phục vụ việc chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh. Vì bản thân thường xuyên ốm đau và không có thu nhập để chữa bệnh. Việc vay mượn tiền của bà D là do mình bà vay và sử dụng, con trai bà là anh Trần Văn S không vay tiền và cũng không sử dụng số tiền vay của bà D. Việc bà D ghi tên con trai bà trong giấy vay tiền là để thể hiện mối quan hệ mẹ con giữa bà và anh S.

Đến nay đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng vì kinh tế gia đình khó khăn, tuổi già sức yếu nên bà vẫn chưa trả được nợ cho bà D. Bà D đã nhiều lần gặp trực tiếp yêu cầu bà trả nợ nhưng bà vẫn chưa trả được nợ.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà và anh S phải trả số tiền là 519.017.000đ (Năm trăm mười chín triệu không trăm mười bảy nghìn đồng) thì bà đồng ý mình cá nhân bà trả nợ. Đối với yêu cầu trả tiền lãi từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ với mức lãi suất là 1,5%/tháng thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn S trình bày: Anh và bà Đinh Thị N có mối quan hệ là mẹ con. Vào ngày 16/12/2021 (Al) tức ngày 18/01/2022 (Dl) mẹ anh có vay của bà D số tiền là 519.017.000đ (Năm trăm mười chín triệu không trăm mười bảy nghìn đồng). Việc vay mượn có lập thành giấy vay tiền và các bên đã ký xác nhận. Tuy nhiên trong giấy vay tiền có ghi tên anh S, nhưng anh không biết và cũng không vay tiền của bà D. Việc bà D có ghi tên của anh vào giấy vay tiền do anh là con trai của bà N nên ghi vào để biết mối quan hệ mẹ con, chứ không liên quan gì đến khoản vay của bà N và anh cũng không ký vào giấy nợ cho bà D. Việc bà N vay tiền để làm gì thì anh không biết. Vì vậy anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D và không đồng ý cùng bà N trả nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và

đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đinh Thị N phải trả nợ; Không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện buộc anh Trần Văn S phải cùng trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa bà Không Thị D và bà Đinh Thị N có xác lập giao dịch vay tiền nhưng đến hạn trả nợ mà bà Đinh Thị N không trả nợ cho bà Không Thị D theo thỏa thuận. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Không Thị D đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn bà Đinh Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn S, trú tại thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập và ý kiến của đương sự có mặt trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Giữa bà Không Thị D và bà Đinh Thị N có xác lập giao dịch vay tiền, bằng việc lập biên nhận vay tiền ngày 16/12/2021 (AI) tức ngày 18/01/2022 (DI). Theo đó bà Không Thị D cho bà Đinh Thị N vay số tiền 519.017.000đ (Năm trăm mười chín triệu không trăm mười bảy nghìn đồng). Thời hạn vay từ 16/12/2021 (AI) đến 16/12/2022 (AI) với mức lãi suất là 1%/tháng. Trường hợp bà Đinh Thị N không trả nợ đúng hạn thì phải chịu mức lãi suất là 2%/tháng. Đến nay đã quá hạn trả nợ, nhưng bà Đinh Thị N vẫn chưa trả nợ cho bà Không Thị D là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ là phù hợp với qui định pháp luật.

Về số tiền vay: Căn cứ vào biên nhận vay tiền do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự xác định số tiền vay của bà Đinh Thị N là 519.017.000đ (Năm trăm mười chín triệu không trăm mười bảy nghìn đồng) đến nay vẫn chưa trả mặc dù đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận.

Về trách nhiệm trả nợ vay: Căn cứ vào biên nhận giấy vay tiền đã ký giữa các bên, HĐXX thấy rằng giao dịch vay tiền do bà Đinh Thị N và Không Thị D trực tiếp thực hiện và các bên đã ký vào giấy vay. Đối với anh Trần Văn S có tên trong giấy vay tiền nhưng không ký giấy vay tiền và không có mặt tại thời điểm các bên xác lập giao dịch. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đều thừa nhận khi cho bà N vay tiền không có mặt anh S và anh S cũng không trực tiếp nhận tiền vay từ bà D. Anh Trần Văn S xác định không có việc vay tiền của bà D và không ký vào giấy vay tiền. Nên HĐXX thấy rằng không có căn cứ để buộc anh Trần Văn S phải cùng bà Đinh Thị N trả nợ vay.

Về lãi suất vay: Căn cứ vào biên nhận vay tiền mà các bên đã ký, xác định khoản vay có thời hạn và có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1%/tháng và quá hạn là 2%/tháng. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả lãi vay với mức 1,5%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ. HĐXX, xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp, tuy nhiên mức lãi suất trong hạn mà các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng nên khoản nợ lãi của bà Đinh Thị N tính được tính như sau:

Số lãi trong hạn tính từ ngày 16/12/2021 (AI) tức ngày 18/01/2022(DI) đến ngày 16.12.2022 (AI) tức ngày 07/01/2023 (DI):

Lãi trong hạn trên nợ gốc từ ngày 16/12/2021 đến ngày 16/12/2022 là:
 $519.017.000đ \times 1\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 62.282.000đ.$

Lãi quá hạn trên nợ gốc từ ngày quá hạn 08/01/2023 đến ngày 30/6/2023 là:
 $519.017.000 \times 1,5\% \text{ tháng} \times 05 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 44.635.000đ.$

Tổng lãi là 106.917.000đ.

Tổng số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (30/6/2023) là: $519.017.000 + 62.282.040đ + 44.635.000đ = 625.934.000đ.$

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Không Thị D, buộc bà Đinh Thị N phải trả cho bà Không Thị D toàn bộ số tiền là 625.934.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Không Thị D về việc buộc anh Trần Văn S phải cùng trả nợ.

[4]. Về án phí: Bà Đinh Thị N là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Không Thị D.

1. Buộc bà Đinh Thị N phải trả cho bà Không Thị D tổng số tiền 625.934.000đ. Trong đó: Tiền nợ gốc: 519.017.000đ, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 30/6/2023) là 106.917.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/7/2023) cho đến khi thi hành án xong bà Đinh Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị N là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Thị Ngọc